

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Về việc sửa đổi bổ sung biểu thuế xuất khẩu, biểu thuế nhập khẩu ngày 31 tháng 3 năm 1992

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 26 tháng 12 năm 1991;

Căn cứ điều 10 Nghị định số 110/HĐBT ngày 31-3-1992 của Hội đồng Bộ trưởng quy định chi tiết việc thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung tên và thuế suất của một số nhóm, mặt hàng của Biểu thuế xuất khẩu ban hành kèm theo Nghị định số 110-HĐBT ngày 31-3-1992 sau đây:

1. Sửa tên nhóm mặt hàng có mã số 030600 là: "Động vật giáp xác (tôm, cua...) có mai, vỏ hoặc không, sống, tươi, ướp đông, ướp lạnh, sấy khô, muối hoặc ngâm nước muối; động vật giáp xác có mai, vỏ đã hấp, luộc chín, có hoặc không ướp lạnh, ướp đông, sấy khô, muối hoặc ngâm nước muối và động vật thân mềm có mai, vỏ hoặc không, động vật không xương sống khác sống dưới nước thuộc nhóm 030700, sống, tươi, ướp lạnh, ướp đông, sấy khô, muối hoặc ngâm nước muối".

2. Sửa tên nhóm mặt hàng 260600 là: "quặng nhôm, quặng nhôm được làm giàu và các loại quặng ở nhóm 260800" và bổ sung thêm mặt hàng có mã số 260700 "quặng chì và quặng chì được làm giàu", có thuế suất 5%.
3. Sửa thuế suất của nhóm mặt hàng 260900 "quặng thiếc, quặng thiếc được làm giàu" là 20%.
4. Sửa tên và thuế suất nhóm mặt hàng 261000 là "quặng crôm, quặng crôm được làm giàu", có thuế suất 1%.
5. Bổ sung nhóm mặt hàng 261100 "quặng vonfram và quặng vonfram đã được làm giàu và các loại quặng khác ở các nhóm 261200, 261300, 261400, 261500, 251600, 261700" có thuế suất 2%.
6. Sửa thuế suất của mặt hàng "da sống, bì sống của trâu, bò, ngựa, lợn, cừu... (tươi, muối, khô, ngâm nước vôi...)" (thuộc nhóm 4100) là 5%.
7. Sửa tên và thuế của nhóm mặt hàng 4400 "gỗ và các mặt hàng bằng gỗ, than củi" như sau:

Mã số	Nhóm, mặt hàng	Thuế suất
1	2	3
4400	Gỗ và các mặt hàng bằng gỗ	
	- Gỗ tròn	20
	- Gỗ xẻ	20
	- Gỗ ván sàn sơ chế	20
	- Xà điện các loại	15
	- Cột điện các loại qua ngàm tấm từ gỗ thông, bạch đàn	15
	- Khung cửa ra vào các loại	10

	- Khung cửa sổ các loại	10
	- Cầu thang các loại hoặc chi tiết cầu thang	10
	- Ván ốp tường	10
	- Ván khung trang trí trần nhà	10
	- Áo quan các loại	10
	- Thùng, bộ xe ô-tô các loại	10
	- Palet	10
	- Palet để làm cốp pha	10
	- Bao bì loại cao cấp (đựng chất lỏng)	10
	- Bao bì loại thông thường	10
	- Giá đỡ, kệ kho các loại	10
	- Góc rẽ cây chưa chế biến	10
	- Tủ các loại	5
	- Giường các loại	5
	- Bàn các loại ³	5
	- Ghế ngồi các loại	5
	- Cánh cửa ra vào các loại	5
	- Cánh cửa sổ các loại	5
	- Ván sàn tinh chế các loại	5

	- Dăm gỗ	5
	- Ván dăm, ván sợi	5
	- Gốc rễ cây các loại đã qua chế biến	5
	- Ván dán các loại	5
	- Ván bóc, ván lạng	5
	- Ván ghép thanh các loại	5
	- Tranh gỗ các loại	0
	- Tượng gỗ các loại	0
	- Tủ, giường, bàn, ghế có khắc, chạm, trổ	0
	- Nông cụ, ngư cụ, v.v...	0
	- Đồ dùng sinh hoạt đời sống (cán chổi, cán búa, thìa, đĩa, muống, chân tay giả, v.v...	0
	- Nhạc cụ	0
	- Vỏ đài, vỏ tivi, vỏ đồng hồ, vỏ máy khâu, vỏ máy tính...	0
	- Khung tranh, đồ lưu niệm, đồ chơi, đồ trang sức bằng gỗ	0
	- Đồ dùng dạy học	0
	- Dụng cụ y tế	0
	- Dụng cụ nghiên cứu khoa học	0
	- Dụng cụ thể thao	0

	- Dụng cụ ngành địa chất, bưu điện	0
	- Bột gỗ, bột giấy các loại	0
	- Các sản phẩm gỗ có mức thuế suất 5%, 10% ghi ở trên nhưng chế biến từ gỗ rừng trồng	0
	- Các sản phẩm gỗ khác	0

8. Bỏ thuế suất 5% chung cho cả nhóm 710300 "đã quý các loại đã hoặc chưa được gia công hoặc phân loại..." và tách thành hai nhóm hàng sau:

- Đá quý, đá bán quý các loại dạng thô, chưa gia công, có thuế suất 5%.
- Đá quý, đá bán quý các loại đã chế tạo, có thuế suất 1%.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung tên và thuế suất của một số nhóm, mặt hàng của biểu thuế nhập khẩu ban hành kèm theo nghị định số 110-HĐBT ngày 31-3-1992 sau đây:

Mã số	Nhóm, mặt hàng	Thuế suất
1	2	3
040200	Sữa và kem đã cô đặc hoặc đã pha thêm đường hoặc chất ngọt khác	
04020010	Sữa và kem đã cô đặc chưa pha thêm đường hoặc chất ngọt khác ³	7
04020090	Sữa và kem khác	10
040500	Bơ và các chất béo khác và các loại dầu tinh chế từ sữa	
04050010	Dầu bơ để sản xuất sữa	7